

BẢNG SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BAN HÀNH QUY ĐỊNH MỨC CHI TIẾP KHÁCH NƯỚC NGOÀI, CHI TỔ CHỨC HỘI NGHỊ, HỘI THẢO QUỐC TẾ VÀ CHI TIẾP KHÁCH TRONG NƯỚC ĐỐI VỚI CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TỈNH VĨNH LONG VỚI THÔNG TƯ SỐ 71/2018/TT-BTC CỦA BỘ TÀI CHÍNH

TT	DỰ THẢO VĂN BẢN (mới)	THUYẾT MINH CƠ SỞ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
I. DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT BAN HÀNH QUY ĐỊNH MỨC CHI TIẾP KHÁCH NƯỚC NGOÀI, CHI TỔ CHỨC HỘI NGHỊ, HỘI THẢO QUỐC TẾ VÀ CHI TIẾP KHÁCH TRONG NƯỚC ĐỐI VỚI CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TỈNH VĨNH LONG			
	Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Vĩnh Long.	Cơ quan soạn thảo trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật bằng hình thức “Nghị quyết” là phù hợp với quy định tại khoản10 Điều 4 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15)	
	Điều 2. Điều khoản thi hành	Phù hợp theo quy định tại Điều 53, Điều 59 của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.	
	1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.		
	2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.		
	3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.		

TT	DỰ THẢO VĂN BẢN (mới)	THUYẾT MINH CƠ SỞ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	4. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng 12 năm 2025 và bãi bỏ các văn bản sau: a) Nghị quyết số 20/2019/NQ-HĐND ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chế độ tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Bến Tre. b) Nghị quyết số 85/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh quy định về mức chi tiếp khách nước ngoài, tổ chức hội nghị quốc tế tại Việt Nam và tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. c) Nghị quyết số 184/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành Quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, tổ chức hội nghị quốc tế, chi tiếp khách trong nước đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; Nghị quyết số 215/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long thông qua đối tượng khách được mời cơm để thực hiện chế độ chi tiếp khách trong nước đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.		
	5. Xử lý chuyển tiếp Đối với các chế độ tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chế độ tiếp khách trong nước có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ trước khi Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo các quy định tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ cho đến khi kết thúc nhiệm vụ và thanh quyết toán kinh phí theo quy định.		
II. QUY ĐỊNH MỨC CHI TIẾP KHÁCH NƯỚC NGOÀI, CHI TỔ CHỨC HỘI NGHỊ, HỘI THẢO QUỐC TẾ VÀ CHI TIẾP KHÁCH TRONG NƯỚC ĐỐI VỚI CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TỈNH VĨNH LONG			

TT	DỰ THẢO VĂN BẢN (mới)	THUYẾT MINH CƠ SỞ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 1. Phạm vi điều chỉnh a) Quy định này quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Vĩnh Long. b) Các nội dung khác có liên quan đến chế độ tiếp khách nước ngoài, chế độ tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chế độ tiếp khách trong nước chưa được quy định tại Quy định này thì thực hiện theo Thông tư số 71/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 54/2021/TT-BTC) và các văn bản pháp luật khác có liên quan. c) Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế. 2. Đối tượng áp dụng a) Cơ quan nhà nước; b) Tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội; c) Đơn vị sự nghiệp công lập; d) Các tổ chức sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ. Các đối tượng nêu trên sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị.	Nội dung tại Điều 1 của dự thảo văn bản được cụ thể hóa quy định tại Điều 1 và Điều 2 Thông tư số 71/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 54/2021/TT-BTC)	
	Điều 2. Mức chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Vĩnh Long do tỉnh chi toàn bộ chi phí trong nước		
	1. Chi đón, tiễn khách tại sân bay a) Chi tặng hoa: tặng hoa cho trưởng đoàn khách hạng B. Mức chi tặng hoa: 500.000 đồng/1 người. b) Chi thuê phòng chờ tại sân bay đối với khách hạng B. Giá thuê phòng chờ thanh toán căn cứ theo hoá đơn hợp pháp, hợp lệ theo quy định của pháp luật.	Nội dung này được cụ thể hóa quy định tại Điều 5 Thông tư số 71/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 54/2021/TT-BTC)	Đề xuất mức chi bằng mức chi quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC, chưa bao gồm khách hạng đặc biệt và hạng A.

TT	DỰ THẢO VĂN BẢN (mới)	THUYẾT MINH CƠ SỞ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	2. Tiêu chuẩn xe ô tô đưa, đón khách a) Đoàn là khách hạng B, hạng C: Trưởng đoàn bố trí một xe riêng. Riêng trường hợp phó đoàn là cấp thứ trưởng và cấp tương đương bố trí 02 người/xe. Các đoàn viên trong đoàn đi xe nhiều chỗ ngồi. b) Tiêu chuẩn xe hộ tống, xe cảnh sát dẫn đường: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ và do Bộ Công an chịu trách nhiệm bảo đảm phương tiện thực hiện nhiệm vụ. c) Giá thuê xe được thanh toán căn cứ vào hợp đồng thuê xe và hoá đơn hợp pháp, hợp lệ theo quy định của pháp luật.	Nội dung này được cụ thể hóa quy định tại Điều 6 Thông tư số 71/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 54/2021/TT-BTC)	Đề xuất tiêu chuẩn bằng mức quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC, chưa bao gồm khách hạng đặc biệt và hạng A.
	3. Tiêu chuẩn về thuê chỗ ở (đã bao gồm cả bữa ăn sáng) a) Đoàn khách hạng B: - Trưởng đoàn, Phó đoàn: 4.500.000 đồng/người/ngày; - Đoàn viên: 2.800.000 đồng/người/ngày. b) Đoàn khách hạng C: - Trưởng đoàn: 2.500.000 đồng/người/ngày; - Đoàn viên: 1.800.000 đồng/người/ngày. c) Khách mời quốc tế khác: 800.000 đồng/người/ngày. Giá thuê chỗ ở quy định nêu trên đã bao gồm cả bữa ăn sáng. Trường hợp thuê chỗ ở không bao gồm tiền ăn sáng trong giá thuê thì cơ quan, đơn vị tiếp khách chi tiền ăn sáng tối đa bằng 10% mức ăn của một người trong 01 ngày đối với từng hạng khách. Tổng mức tiền thuê chỗ ở trong trường hợp không bao gồm tiền ăn sáng và mức chi tiền ăn sáng cho khách không vượt quá mức chi thuê chỗ ở quy định nêu trên. Chứng từ thanh toán căn cứ vào hợp đồng và hoá đơn, chứng từ hợp pháp, hợp lệ theo quy định của pháp luật.	Nội dung này được cụ thể hóa quy định tại Điều 7 Thông tư số 71/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 54/2021/TT-BTC)	Đề xuất mức chi bằng mức chi quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC, chưa bao gồm khách hạng đặc biệt và hạng A.
	4. Tiêu chuẩn ăn hàng ngày (bao gồm 2 bữa trưa, tối) a) Mức chi ăn hàng ngày quy định đã bao gồm tiền đồ uống (khuyến khích sử dụng đồ uống sản xuất tại Việt Nam): - Đoàn là khách hạng B: 1.000.000 đồng/ngày/người; - Đoàn là khách hạng C: 800.000 đồng/ngày/người; - Khách mời quốc tế khác: 600.000 đồng/ngày/người. Trong trường hợp cần thiết phải có cán bộ của cơ quan, đơn vị đón tiếp đi ăn cùng đoàn thì được tiêu chuẩn ăn như đối với đoàn viên của đoàn khách nước ngoài. Chứng từ thanh toán căn cứ vào hoá đơn, chứng từ hợp pháp, hợp lệ theo quy định của pháp luật.	Nội dung này được cụ thể hóa quy định tại Điều 8 Thông tư số 71/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 54/2021/TT-BTC)	Đề xuất mức chi bằng mức chi quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC, chưa bao gồm khách hạng đặc biệt và hạng A.

TT	DỰ THẢO VĂN BẢN (mới)	THUYẾT MINH CƠ SỞ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	5. Tổ chức chiêu đãi a) Đối với khách hạng B, hạng C: Mỗi đoàn khách được tổ chức chiêu đãi một lần. Mức chi chiêu đãi khách tối đa không vượt quá mức tiền ăn một ngày của khách theo quy định tại khoản 4 Điều này. Mức chi chiêu đãi đã bao gồm tiền đồ uống (khuyến khích sử dụng đồ uống sản xuất tại Việt Nam). b) Đại biểu và phiên dịch của tỉnh tham gia tiếp khách được áp dụng mức chi chiêu đãi như thành viên của đoàn. Danh sách đại biểu của tỉnh căn cứ theo chương trình, đề án đón đoàn được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Chứng từ thanh toán căn cứ vào hợp đồng, hoá đơn, chứng từ hợp pháp, hợp lệ theo quy định của pháp luật. c) Trong ngày tổ chức tiệc chiêu đãi, thì bữa trưa (hoặc tối) còn lại (nếu có) được thực hiện theo tiêu chuẩn bằng 50% tiêu chuẩn ăn hàng ngày theo quy định tại điểm d điều 1 quy định này.	Nội dung này được cụ thể hóa quy định tại Điều 9 Thông tư số 71/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 54/2021/TT-BTC)	Đề xuất tiêu chuẩn bằng mức theo quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC, chưa bao gồm khách hạng đặc biệt và hạng A.
	6. Tiêu chuẩn tiếp xã giao và các buổi làm việc (đồ uống, hoa quả, bánh ngọt): a) Đoàn là khách hạng B: 80.000 đồng/người/01 buổi làm việc (nửa ngày); b) Đoàn là khách hạng C, khách quốc tế khác: 60.000 đồng/người/01 buổi làm việc (nửa ngày). c) Đại biểu và phiên dịch của tỉnh tham gia tiếp khách được áp dụng tiêu chuẩn tiếp xã giao như thành viên của đoàn. Danh sách đại biểu của tỉnh do đơn vị được giao chủ trì đón tiếp phê duyệt. Chứng từ thanh toán chi tiếp xã giao và các buổi làm việc căn cứ vào hóa đơn, chứng từ hợp pháp, hợp lệ theo quy định của pháp luật.	Nội dung này được cụ thể hóa quy định tại Điều 10 Thông tư số 71/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 54/2021/TT-BTC)	Đề xuất mức chi bằng mức chi quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC, chưa bao gồm khách hạng đặc biệt và hạng A.

TT	DỰ THẢO VĂN BẢN (mới)	THUYẾT MINH CƠ SỞ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	7. Chi dịch thuật a) Chi biên dịch: - Biên dịch một trong 6 ngôn ngữ chính thức của Liên hợp quốc sang Tiếng Việt (gồm: tiếng Ả Rập, tiếng Hoa, tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga và tiếng Tây Ban Nha): 150.000 đồng/trang (350 từ); - Biên dịch Tiếng Việt sang một trong 6 ngôn ngữ chính thức của Liên hợp quốc: 180.000 đồng/trang (350 từ); - Đối với các ngôn ngữ ngoài ngôn ngữ chính thức của Liên hợp quốc, tùy theo mức độ phổ biến của ngôn ngữ đó trên địa bàn cơ quan, đơn vị, thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định mức chi biên dịch được phép tăng tối đa 30% mức chi quy định. b) Chi dịch nói: - Dịch nói thông thường: 250.000 đồng/giờ/người, tương đương 2.000.000 đồng/ngày/người làm việc 8 tiếng. - Dịch đuôi (dịch đồng thời): 500.000 đồng/giờ/người, tương đương 4.000.000 đồng/ngày/người làm việc 8 tiếng. c) Việc thuê biên dịch, phiên dịch được thực hiện khi cơ quan, đơn vị không có người biên dịch, phiên dịch đáp ứng được yêu cầu. Trường hợp các cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ của các cơ quan, đơn vị để tham gia công tác biên, phiên dịch thì được thanh toán tối đa bằng 50% mức chi biên, phiên dịch nêu trên. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm quyết định mức chi cụ thể trong từng trường hợp và phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị.	Nội dung này được cụ thể hóa quy định tại Điều 11 Thông tư số 71/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 54/2021/TT-BTC)	Đề xuất mức chi bằng mức chi quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC.

TT	DỰ THẢO VĂN BẢN (mới)	THUYẾT MINH CƠ SỞ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	8. Chi văn hoá, văn nghệ và tặng phẩm Căn cứ tính chất công việc, yêu cầu đối ngoại của từng đoàn khách nước ngoài vào làm việc tại tỉnh, thủ trưởng cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm đón đoàn quyết định chi văn hoá, văn nghệ và tặng phẩm trên tinh thần tiết kiệm, không phô trương hình thức; cụ thể như sau: a) Chi văn hoá, văn nghệ đối với đoàn khách hạng B và C: Tùy từng trường hợp cụ thể, thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ đón tiếp phê duyệt trong kế hoạch đón đoàn, nhưng tối đa mỗi đoàn chỉ được mời xem biểu diễn nghệ thuật một lần theo giá vé tại rạp hoặc theo hợp đồng biểu diễn. b) Chi tặng phẩm: Tặng phẩm là sản phẩm do Việt Nam sản xuất và thể hiện bản sắc văn hoá dân tộc; mức mua quà tặng đối với đoàn khách hạng B, như sau: - Trưởng đoàn khách: 900.000 đồng/người. Trường hợp có Phu nhân (Phu quân) của Trưởng đoàn đi cùng đoàn, mức chi tặng phẩm đối với Phu nhân (Phu quân): 900.000 đồng/người; - Trường hợp đặc biệt theo yêu cầu đối ngoại hoặc theo thông lệ ngoại giao giữa hai nước, thủ trưởng cơ quan đón tiếp đoàn xem xét, quyết định việc tặng phẩm tặng thành viên chính thức và quan chức tùy từng trong kế hoạch, đề án đón đoàn, mức chi: 500.000 đồng/người.	Nội dung này được cụ thể hóa quy định tại Điều 12 Thông tư số 71/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 54/2021/TT-BTC)	Đề xuất mức chi bằng mức chi theo quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC, chưa bao gồm khách hạng đặc biệt và hạng A.

TT	DỰ THẢO VĂN BẢN (mới)	THUYẾT MINH CƠ SỞ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	9. Chế độ, tiêu chuẩn chi khi đưa đoàn khách nước ngoài đi công tác địa phương và cơ sở a) Trường hợp cần thiết phải đưa khách đi thăm, làm việc tại các địa phương hoặc cơ sở theo chương trình, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền quyết định thì tiêu chuẩn đón tiếp như sau: - Cơ quan, đơn vị chủ trì đón tiếp khách chịu trách nhiệm chi toàn bộ chi phí đưa đón khách từ nơi ở chính tới địa phương, cơ sở và chi phí ăn, nghỉ cho khách trong những ngày khách làm việc tại địa phương, cơ sở theo các mức chi quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều này; chi dịch nói theo quy định tại khoản 7 Điều này (nếu có); - Cơ quan, đơn vị ở địa phương hoặc cơ sở nơi khách đến thăm và làm việc chi tiếp khách xã giao và các buổi làm việc theo quy định tại khoản 6 Điều này. Chi dịch nói theo quy định tại khoản 7 Điều này (nếu có). b) Chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh được cử tham gia đoàn tháp tùng khách đi thăm và làm việc ở địa phương, cơ sở: - Cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh được thực hiện chế độ công tác phí theo quy định tại Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND ngày 30/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức chi về công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long. - Trường hợp đối ngoại phải ở cùng khách sạn với đoàn khách quốc tế, thì cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh được thuê phòng nghỉ theo tiêu chuẩn 2 người/phòng theo giá thực tế của loại phòng tiêu chuẩn (Standard) tại khách sạn nơi đoàn khách quốc tế ở. Trường hợp đoàn có lẻ người khác giới thì người lẻ được thuê 01 người/phòng theo giá thực tế của loại phòng tiêu chuẩn (Standard) tại khách sạn nơi đoàn khách quốc tế ở.	Nội dung này được cụ thể hóa quy định tại Điều 13 Thông tư số 71/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 54/2021/TT-BTC)	Đề xuất tiêu chuẩn bằng mức theo quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC.

TT	DỰ THẢO VĂN BẢN (mới)	THUYẾT MINH CƠ SỞ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	10. Chỉ đưa khách đi tham quan a) Căn cứ tính chất công việc, yêu cầu đối ngoại của từng đoàn khách, thủ trưởng cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm đón đoàn quyết định trong kế hoạch đón đoàn được cấp có thẩm quyền phê duyệt, việc đưa khách đi tham quan trên tinh thần tiết kiệm, không phô trương hình thức. b) Mức chi đưa đón khách từ nơi ở chính đến điểm tham quan, chi ăn, nghỉ cho khách trong những ngày đi tham quan theo các mức chi quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này và được áp dụng cho cả cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh tham gia đưa đoàn đi tham quan. Số lượng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh tham gia đoàn do thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì đón đoàn phê duyệt.	Nội dung này được cụ thể hóa quy định tại Điều 14 Thông tư số 71/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 54/2021/TT-BTC)	Đề xuất tiêu chuẩn bằng mức theo quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC.
	11. Trách nhiệm chi tiếp khách trong trường hợp đoàn vào làm việc với nhiều cơ quan, đơn vị a) Trường hợp đoàn vào làm việc với nhiều cơ quan, đơn vị theo chương trình, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, thì cơ quan, đơn vị chủ trì trong việc đón đoàn chịu trách nhiệm về chi phí đón, tiễn, tiền ăn, tiền thuê chỗ ở, đi lại của đoàn theo mức chi quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này. b) Các cơ quan, đơn vị có kế hoạch, chương trình làm việc với đoàn sẽ chịu trách nhiệm chi phí tiếp đoàn trong thời gian đoàn làm việc với cơ quan, đơn vị mình theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức chi tiếp khách áp dụng theo quy định tại khoản 6 và khoản 7 Điều này.	Nội dung này được cụ thể hóa quy định tại Điều 15 Thông tư số 71/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 54/2021/TT-BTC)	Đề xuất áp dụng như quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC.
	Điều 3. Chế độ tiếp khách nước ngoài làm việc tại Vĩnh Long do tỉnh chi một phần chi phí trong nước		

TT	DỰ THẢO VĂN BẢN (mới)	THUYẾT MINH CƠ SỞ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	1. Đối với các đoàn khách nước ngoài vào làm việc tại tỉnh Vĩnh Long do khách tự túc ăn, ở; tỉnh Vĩnh Long chi các khoản đón tiếp đối ngoại khác a) Đối với khách hạng B, hạng C: Cơ quan, đơn vị chủ trì đón tiếp đoàn được chi đón tiếp đoàn như sau: - Chi đón tiếp tại sân bay, chi phương tiện đi lại trong thời gian đoàn làm việc tại tỉnh Vĩnh Long, chi tiếp xã giao các buổi làm việc; chi dịch thuật, chi văn hoá, văn nghệ và tặng phẩm. Trong trường hợp vì quan hệ đối ngoại xét thấy cần thiết thì thủ trưởng đơn vị được giao nhiệm vụ đón tiếp quyết định chi chiêu đãi hoặc chi mời cơm thân mật và phải được duyệt trong đề án, kế hoạch đón đoàn. - Tiêu chuẩn chi đón tiếp và mức chi theo từng hạng khách thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 5, khoản 6, khoản 7 và khoản 8 Điều 2 Quy định này. b) Trường hợp cần thiết phải đưa khách đi thăm, làm việc tại các địa phương hoặc cơ sở theo chương trình, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền quyết định thì thực hiện chi đón tiếp theo quy định tại khoản 9 Điều 2 Quy định này (trừ các khoản khách tự túc ăn, ở). c) Trường hợp đoàn làm việc với nhiều cơ quan, đơn vị theo chương trình, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì thực hiện chi đón tiếp theo quy định tại khoản 11 Điều 2 Quy định này.	Nội dung này được cụ thể hóa quy định tại Điều 16 Thông tư số 71/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 54/2021/TT-BTC)	Đề xuất áp dụng như quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC, chưa bao gồm đối tượng là khách hạng đặc biệt và hạng A
	2. Chế độ tiếp các trưởng đại diện các tổ chức quốc tế khi kết thúc nhiệm kỳ công tác tại tỉnh Vĩnh Long (nếu có) Cơ quan, đơn vị được tổ chức mời cơm thân mật khi chia tay trưởng đại diện các tổ chức quốc tế khi kết thúc nhiệm kỳ công tác tại tỉnh Vĩnh Long, mức chi: 1.000.000 đồng/người bao gồm cả đại diện phía Vĩnh Long, mức chi này bao gồm cả tiền đồ uống (khuyến khích sử dụng đồ uống sản xuất tại Việt Nam); tặng phẩm cho trưởng đại diện các tổ chức quốc tế: 900.000 đồng/người/suất tặng phẩm.	Nội dung này được cụ thể hóa quy định tại Điều 17 Thông tư số 71/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 54/2021/TT-BTC)	Đề xuất mức chi thực hiện bằng mức chi quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC.
	3. Đối với các đoàn khách nước ngoài vào làm việc tại tỉnh Vĩnh Long do khách tự túc mọi chi phí: Cơ quan, đơn vị có đoàn đến làm việc chi được chi để tiếp xã giao các buổi đoàn đến làm việc theo quy định tại khoản 6 Điều 2 Quy định này.	Nội dung này được cụ thể hóa quy định tại Điều 18 Thông tư số 71/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 54/2021/TT-BTC)	Đề xuất áp dụng như quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC
	Điều 4. Chế độ chi hội nghị, hội thảo quốc tế tổ chức tại Vĩnh Long		

TT	DỰ THẢO VĂN BẢN (mới)	THUYẾT MINH CƠ SỞ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	1. Hội nghị, hội thảo quốc tế tổ chức tại tỉnh Vĩnh Long do phía tỉnh Vĩnh Long đài thọ toàn bộ chi phí a) Đối với khách mời là đại biểu quốc tế do phía tỉnh Vĩnh Long đài thọ được áp dụng nội dung và mức chi quy định tại Điều 2 Quy định này. b) Chi giải khát giữa giờ (áp dụng cho cả đại biểu và phiên dịch): Thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 2 Quy định này.	Nội dung này được cụ thể hóa quy định tại Điều 26 Thông tư số 71/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 54/2021/TT-BTC)	Đề xuất tiêu chuẩn, mức chi thực hiện bằng với tiêu chuẩn và mức chi quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC.
	c) Chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Vĩnh Long tham gia đón, tiếp khách quốc tế, phục vụ các hội nghị quốc tế, gồm: - Chi thuê phòng nghỉ: thực hiện theo Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND ngày 30/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Trường hợp đối ngoại phải ở tại khách sạn nơi tổ chức đón tiếp khách quốc tế và tổ chức hội nghị quốc tế, cán bộ phía Việt Nam được thuê phòng nghỉ theo tiêu chuẩn 2 người/phòng theo giá thực tế của loại phòng tiêu chuẩn (Standard). Trường hợp đoàn có lẻ người khác giới thì người lẻ được thuê 1 người/phòng theo giá thực tế của loại phòng tiêu chuẩn (Standard) tại khách sạn nơi tổ chức đón tiếp khách quốc tế và tổ chức hội nghị quốc tế. - Chi phí đi lại, phụ cấp lưu trú thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND ngày 30/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh. - Chi làm thêm giờ (nếu có): Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính. - Đối với các khoản chi khác trực tiếp phục vụ hội nghị thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này và trong dự toán được người có thẩm quyền phê duyệt, cụ thể: + Chi thù lao cho các diễn giả, học giả (nếu có): Thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 24 Thông tư 71/2018/TT-BTC ngày 10/8/2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước. + Chi dịch thuật: Thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 2 Quy định này. + Chi giấy bút, văn phòng phẩm, in ấn tài liệu, tuyên truyền, trang trí, thuê hội trường hoặc phòng họp, thuê thiết bị (nếu có), tiền làm cò, phù hiệu hội nghị, chi thuê phiên dịch, bảo vệ, thuốc y tế, các khoản chi cần thiết khác: Thực hiện trên cơ sở hóa đơn, chứng từ hợp pháp, hợp lệ theo quy định của pháp luật và trong dự toán được người có thẩm quyền phê duyệt.	Nội dung này được cụ thể hóa quy định tại Điều 26 Thông tư số 71/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 54/2021/TT-BTC)	Đề xuất tiêu chuẩn, mức chi thực hiện bằng với tiêu chuẩn và mức chi quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC.

TT	DỰ THẢO VĂN BẢN (mới)	THUYẾT MINH CƠ SỞ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	2. Hội nghị quốc tế tổ chức tại Vĩnh Long do phía tỉnh Vĩnh Long và phía nước ngoài phối hợp tổ chức a) Đối với các hội nghị này, khi xây dựng dự toán cần làm rõ những nội dung thuộc trách nhiệm của phía nước ngoài chi, những nội dung thuộc trách nhiệm của phía tỉnh Vĩnh Long chi để tránh chi trùng. b) Đối với những nội dung chi thuộc trách nhiệm của phía tỉnh Vĩnh Long thì căn cứ vào chế độ chi tiêu hiện hành và các mức chi được quy định khoản 1 Điều này để thực hiện.	Nội dung này được cụ thể hóa quy định tại Điều 27 Thông tư số 71/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 54/2021/TT-BTC)	Đề xuất áp dụng như quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC.
	3. Đối với hội nghị quốc tế tổ chức tại Vĩnh Long do phía nước ngoài đài thọ toàn bộ chi phí: Cơ quan, đơn vị nơi phối hợp với các tổ chức quốc tế để tổ chức hội nghị không được sử dụng kinh phí theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10/8/2018 của Bộ Tài chính để thanh toán chi phí của các hội nghị, hội thảo quốc tế này.	Nội dung này được cụ thể hóa quy định tại Điều 28 Thông tư số 71/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 54/2021/TT-BTC)	Đề xuất áp dụng như quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC.
	4. Chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức Vĩnh Long tham gia đoàn đàm phán về công tác biên giới lãnh thổ; đàm phán ký kết các Hiệp định song phương, đa phương a) Đối với đoàn đàm phán tổ chức ở trong nước - Tiêu chuẩn phòng nghỉ: thực hiện theo Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND ngày 30/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Trường hợp cần thiết phải ở khách sạn nơi tổ chức đàm phán, thì được thuê phòng nghỉ theo tiêu chuẩn 2 người/phòng theo giá thực tế của loại phòng tiêu chuẩn (Standard) tại khách sạn nơi tổ chức đàm phán. Trường hợp đoàn có lẻ người khác giới thì người lẻ được thuê 01 người/phòng theo giá thực tế của loại phòng tiêu chuẩn (Standard) tại khách sạn nơi tổ chức tổ chức đàm phán. - Chi tiền bồi dưỡng: Tuỳ theo tính chất công việc khẩn trương, phức tạp của mỗi đoàn đàm phán, thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì đàm phán quyết định chi bồi dưỡng 200.000 đồng/người/buổi cho các thành viên và các cán bộ tham gia phục vụ đoàn đàm phán trong những ngày tham gia phiên họp chuẩn bị và các phiên đàm phán chính thức và tự sắp xếp trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao. - Chế độ phụ cấp lưu trú, chế độ đi lại và các chi phí khác phục vụ đoàn đàm phán: Thực hiện theo Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND ngày 30/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh và quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị chủ trì tổ chức đàm phán.	Nội dung này được cụ thể hóa quy định tại Điều 29 Thông tư số 71/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 54/2021/TT-BTC)	Đề xuất tiêu chuẩn, mức chi thực hiện bằng với tiêu chuẩn và mức chi quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC.

TT	DỰ THẢO VĂN BẢN (mới)	THUYẾT MINH CƠ SỞ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	b) Đối với đoàn đàm phán tổ chức ở nước ngoài - Tùy theo tính chất công việc khẩn trương, phức tạp của mỗi đoàn đàm phán, thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì đàm phán quyết định chi bồi dưỡng cho các thành viên trực tiếp tham gia đoàn đàm phán trong những ngày tham gia phiên họp chuẩn bị tổ chức ở trong nước mức 150.000 đồng/người/buổi và tự sắp xếp trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao. - Các chế độ khác đối với đoàn cán bộ của tỉnh Vĩnh Long tham gia đàm phán ở nước ngoài thực hiện theo quy định hiện hành về chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách Nhà nước bảo đảm kinh phí.		
	Điều 5. Chi tiếp khách trong nước		
	1. Quy định đối tượng khách được mời cơm để thực hiện chế độ tiếp khách trong nước đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long: a) Các đoàn khách là lãnh đạo, nguyên lãnh đạo Đảng, Quốc hội, Nhà nước, Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt Trận Tổ quốc Việt Nam; các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; các ban, ngành, đoàn thể ở Trung ương; các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. b) Khách là cá nhân hoặc đoàn đại biểu lão thành cách mạng, chiến sĩ cách mạng tiêu biểu, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, chức sắc tôn giáo, người có uy tín tiêu biểu trong đồng bào dân tộc thiểu số. c) Đoàn khách là lãnh đạo, quản lý các doanh nghiệp, nhà đầu tư trong và ngoài nước đến thăm, làm việc và tìm hiểu môi trường đầu tư của tỉnh để triển khai hoặc dự định triển khai thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh; các nhà tài trợ, viện trợ đến thăm và làm việc với địa phương để triển khai thực hiện các dự án tài trợ, viện trợ; các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đến quan hệ, giúp đỡ, ủng hộ địa phương làm công tác xã hội, từ thiện, cứu nạn, cứu hộ. d) Khách đến tham dự các cuộc đại hội, hội nghị, hội thảo quan trọng theo thư mời, giấy mời của địa phương được cơ quan có thẩm quyền cho phép. đ) Ngoài các đoàn khách, khách được quy định tại điểm a, b, c, d khoản này, trường hợp xét thấy cần thiết phải mời cơm thân mật thì Thủ trưởng cơ quan, đơn vị xem xét quyết định việc tiếp khách, nhưng phải sắp xếp trong phạm vi dự toán kinh phí ngân sách được giao và phải được quy định cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị.	Nội dung này được cụ thể hóa quy định tại khoản 2 Điều 31 Thông tư số 71/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 54/2021/TT-BTC)	Đề xuất kế thừa các đối tượng đã được quy định tại các nghị quyết đã ban hành trước đây của Tỉnh Bến Tre và tỉnh Vĩnh Long (cũ), phù hợp với thực tiễn phát sinh tại địa phương sau sáp nhập.

TT	DỰ THẢO VĂN BẢN (mới)	THUYẾT MINH CƠ SỞ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	2. Quy định mức chi tiếp khách trong nước a) Chi giải khát: mức chi: 30.000 đồng/buổi (nửa ngày)/người. b) Chi mời cơm: mức chi: 300.000 đồng/suất (đã bao gồm đồ uống). c) Chi phiên dịch tiếng dân tộc trong trường hợp tiếp khách dân tộc thiểu số: Trong trường hợp phải đi thuê phiên dịch (dịch nói) từ tiếng Việt sang tiếng dân tộc thiểu số và ngược lại, mức thuê phiên dịch áp dụng bằng mức thuê người dẫn đường kiêm phiên dịch tiếng dân tộc quy định tại Nghị quyết số 121/2018/NQ- HĐND ngày 06/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung, mức chi của các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.	Nội dung này được cụ thể hóa quy định tại Điều 30, khoản 1 Điều 31 và Điều 32 Thông tư số 71/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 54/2021/TT-BTC)	Đề xuất mức chi thực hiện bằng với mức chi quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC.
	Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện 1. Ngân sách nhà nước. 2. Nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập. 3. Các khoản đóng góp, ủng hộ, tài trợ của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước (nếu có). 4. Nguồn thu phí được để lại theo quy định của pháp luật phí, lệ phí (trong trường hợp có văn bản của cấp có thẩm quyền cho phép sử dụng nguồn thu phí được để lại để chi tiếp khách nước ngoài, chi hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiếp khách trong nước).	Nội dung này được cụ thể hóa quy định tại Điều 3 Thông tư số 71/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 54/2021/TT-BTC)	Đề xuất áp dụng như quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC.